

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2019/DS-ST

Ngày: 27-11-2019

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Mỹ Linh

2. Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2019.

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower số 109, đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Doãn S – Chức vụ : Tổng giám đốc (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Nội Ô, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Chị Lê Trần Ngọc T, sinh năm: 1985 (Có đơn xin vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 8, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ tạm trú: Khu phố H, thị trấn G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B, người đại diện theo ủy quyền ông Trần Phú X trình bày:

Vào ngày 15/5/2015 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B và chị Lê Trần Ngọc T có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 1485/2015 KG/HĐTD - LienVietPostBank với số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng, vay tín chấp. Thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thỏa thuận 13 %/năm nhưng có điều chỉnh tại thời điểm giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ gốc và lãi thực hiện theo định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, khoản nợ gốc được chia làm 48 kỳ trả nợ, mỗi kỳ trả số tiền là 1.460.000 đồng, kỳ cuối cùng trả số tiền gốc là 1.380.000 đồng. Nợ lãi được tính trên số dư nợ gốc thực tế. Chị T đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B khoản nợ gốc là 16.966.412 đồng, nợ lãi là 6.990.064 đồng. Đến ngày 17/11/2015, chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cụ thể trả tiền không đúng hạn và đúng số tiền gốc thỏa thuận phải trả hàng tháng nên Ngân hàng đã nhắc nhở chị T để có biện pháp trả nợ nhưng chị T không thực hiện. Xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng bị xâm phạm nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị T giao trả khoản tiền gốc còn nợ là 53.033.412 đồng và khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 27/11/2019 là 42.150.257 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi còn lại phải trả là 95.183.669 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu chị T tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất mà đã được các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại bản tự khai ngày 06/9/2019, bị đơn chị Lê Trần Ngọc T trình bày: Chị thừa nhận vào ngày 15/5/2015 có ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn với Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền gốc là 70.000.000 đồng với các điều khoản về lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ thể hiện trong bản hợp đồng. Chị xác nhận đã trả gốc số tiền là 16.966.412 đồng và khoản nợ lãi là 6.990.064 đồng. Do chị vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ nên Ngân hàng khởi kiện. Chị đồng ý trả khoản nợ gốc còn lại là 53.033.412 đồng và khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên, chị xin được trả dần hàng tháng là 2.000.000 đồng vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình chị rất khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu chị Lê Trần Ngọc T yêu cầu giao trả số tiền vay gốc 53.033.412 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3 - Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và chị T có địa chỉ cư trú tại thị trấn G, huyện G nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Chị Lê Trần Ngọc T với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện G đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị T nhưng chị T có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1- Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc buộc chị T giao trả số tiền gốc là 53.033.412 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 27/11/2019 là 42.150.257 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu chị T phải thanh toán khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày 28/11/2017 cho đến khi chị T thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía Ngân hàng Thương mại cổ phần B đã cung cấp hợp đồng tín dụng số 1485/2015 /KG/HĐTD -LienVietPostBank đã được ký kết ngày 15/5/2015 và bản kê chi tiết tính lãi. Quá trình hòa giải, chị T cũng thừa nhận khoản nợ đã trả và khoản nợ chưa trả cho Ngân hàng gồm khoản nợ gốc và lãi phát sinh mà người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đã trình bày. Xét thấy hợp đồng tín dụng số 1485/2015/ KG/HĐTD - LienVietPostBank được ký kết giữa các bên đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, việc thỏa thuận lãi suất cho vay phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên hợp đồng tín dụng số 1485/2015/KG/HĐTD – LienVietPostBank được ký kết giữa các bên được xem là hợp pháp. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử buộc chị T giao trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền gốc là 53.033.412 đồng và khoản nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 27/11/2019 là 42.150.257 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã được thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 1485/2015/KG/HĐTD - LienVietPostBank ký kết ngày 15/5/2015, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng.

[3] Về án phí:

- Về án phí: Áp dụng Khoản 1 - Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 12, khoản 2 - Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 95.183.669 đồng x 5% = 4.759.183 đồng (Làm tròn là 4.759.000 đồng).

Do yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 4.759.000 đồng nhưng chị T thuộc hộ cận nghèo nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp là 2.213.000 đồng theo biên lai thu tiền số 6490 ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 – Điều 26; điểm a - Khoản 1 - Điều 35, điểm a - Khoản 1 - Điều 39; Khoản 1 - Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 - Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào điểm d - Khoản 2 – Điều 9; Điều 471; Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng.; Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc chị Lê Trần Ngọc T giao trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền nợ gốc là 53.033.412 đồng (Năm mươi ba triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm mười hai đồng) và nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 27/11/2019 là 42.150.257 đồng (Bốn mươi hai triệu, một trăm năm mươi nghìn, hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số dự nợ gốc theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1485/2015 /KG/HĐTD - LienVietPostBank đã được ký kết ngày 15/5/2015 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

2.Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho chị Lê Trần Ngọc T.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.213.000 đồng (Hai triệu, hai trăm mười ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 06490 ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày. Đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tính từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cẩm Hương